TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ M** **TỈNH D**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29/5/2023
"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M, TỈNH D

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyên Chí Dựng
2. Bà Đinh Thị Tin

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 328/2022/TLST-HNGĐ ngày 12/12/2022 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14a/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST – HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1983, Địa chỉ: thôn L, xã T1, thị xã M, tỉnh D. Có mặt

- Bị đơn: Anh Trần Thị H, sinh năm 1988, Địa chỉ: Thôn X, xã T1, thị xã M, tỉnh D. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung bởi biên bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phạm Văn T trình bày:

Anh và chị Trần Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được đăng ký kết hôn tại UBND xã T1, huyện M (nay phường T1, thị xã M), tỉnh D vào ngày 31/12/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm, dẫn đến không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng chở nên căng thẳng từ tháng

10/2021, chị H đã về nhà bà ngoại ở thôn X, xã T1 sinh sống. Từ đó đến nay mỗi người sống một nơi chấm dứt mọi quan hệ về mặt tình cảm, kinh tế. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

- Về nuôi dưỡng con chung: Anh T, chị H có hai con chung là Phạm Minh C, sinh ngày 10/11/2016 và Phạm Tuấn K, sinh ngày 28/11/2017. Từ tháng 10/2021 chị H về gia đình của chị H ở, con chung cháu Phạm Tuấn K do anh chăm sóc nuôi dưỡng, cháu Phạm Minh C do chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Để ổn định chỗ ở và điều kiện học tập của các con chung, khi ly hôn anh T xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cháu Phạm Tuấn K. Chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cháu Phạm Minh C, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho chị Trần Thị H, tuy nhiên chị H đều vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về mâu thuẫn vợ chồng, giữa anh T và chị H, cụ thể như sau:

- Tòa án tiến hành lấy lời khai của bà Lê Thị Lã (bà của chị H) cung cấp:

Hiện chị H và cháu C đang ở tại gia đình bà tại thôn X, xã T1. Chị H kết hôn với anh T trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được đăng ký tại UBND xã T1 vào ngày 31/12/2015. Sau khi kết hôn, do điều kiện về chỗ ở nên vợ chồng anh T, chị H ở tại gia đình bà. Đến năm 2020, vợ chồng anh T, chị H và các con chung về nhà của anh T tại thôn L, xã T1 sinh sống. Sau khi chị H chuyển về nhà anh T ở, bà được biết vợ chồng anh T, chị H đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường xuyên chửi bới, xúc phạm chị H, nhiều lần anh T đánh đập chị H khiến cho chị H không tiếp tục chung sống cùng anh T được, chị H đã phải cháu Phạm Minh C phải về gia đình bà sinh sống. Từ đó đến nay đã hơn 2 năm vợ chồng anh T, chị H mỗi người một nơi, chấm rứt mọi quan hệ về mặt tình cảm. Về nuôi dưỡng con chung: Vợ chồng anh T, chị H có hai con chung, cháu Phạm Tuấn K, sinh ngày 28/11/2017 đang ở cùng với anh T, cháu Phạm Minh C, sinh ngày 10/11/2016 hiện đang ở cùng bà và chị H. Trường hợp chị H được nuôi dưỡng con chung bà sẽ tạo điều kiện về chỗ ở và trông nom cháu C cho mẹ con chị H.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn anh Phạm Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị H. Bị đơn chị H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã M tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, hội thẩm nhân dân, thư ký Toà án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Các đương sự đã được triệu tập đến Tòa án, nguyên đơn có mặt là đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt là không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa anh T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị H. Trên cơ sở tài liệu chứng cứ đã thu thập xác định giữa anh T, chị H đã xảy ra mâu thuẫn. Thực tế anh T, chị H sống ly thân mỗi người một nơi từ nhiều tháng nay không còn quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, mâu thuẫn vợ chồng không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh T, xử cho anh T được ly hôn với chị H là phù hợp với thực tế về mâu thuẫn vợ chồng. Về nuôi dưỡng con chung: Trên có cơ sở thực tế hiện nay: Giao cho anh T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cháu Phạm Tuấn K, sinh ngày 28/11/2017; Giao cho chị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cháu Phạm Minh C, sinh ngày 10/11/2016. Thời gian giao nuôi dưỡng con chung kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh T, chị H không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho nhau. Về tài sản chung, vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản, vay nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án.

Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về Tố tụng:* Bị đơn là chị Trần Thị H cư trú tại KDC X, phường T1, thị xã M, tỉnh D. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh D. Chị H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, HĐXX xét xử vắng mặt chị H là phù hợp với Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh T, chị H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện M (phường T1, thị xã M), tỉnh D vào ngày 31/12/2015 là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ đã thu thập thì thấy về thời gian mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh T, chị H là phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã thu

thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh T, chị H đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do các bên không còn sự thương yêu, quý trọng và giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ: Thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T, chị H kéo dài, mỗi người sống một nơi từ năm 2021 cho đến nay, cả hai đều không có biện pháp nào để giải quyết mâu thuẫn, hòa giải đoàn tụ được với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập chị H, thông báo hòa giải tuy nhiên chị H đều vắng mặt, thể hiện ý thức bỏ mặc không mong muốn được hòa giải đoàn tụ. Tại phiên tòa, anh T xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không còn, anh T vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với chị H. Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh T, xử cho anh T được ly hôn chị H là phù hợp thực trạng mâu thuẫn vợ chồng, phù hợp với khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh T và chị H có hai con chung là cháu Phạm Minh C, sinh ngày 10/11/2016 và cháu Phạm Tuấn K, sinh ngày 28/11/2017. Khi ly hôn, anh T xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cháu Phạm Tuấn K. Xét yêu cầu xin được nuôi dưỡng con chung của anh T thì thấy: Kể từ khi anh T, chị H không chung sống cùng nhau, con chung cháu Phạm Tuấn K do anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T chứng minh về công việc, thu nhập ổn định cũng như điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng đối với con chung hiện nay được đảm bảo. Đối với cháu Phạm Minh C hiện đang ở với chị H tại nhà bà ngoại của chị H là Lê Thị Lã. Bà Lã xác định trường hợp chị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung bà sẽ tạo điều kiện và chỗ ở, cũng như điều kiện học tập tốt nhất cho cháu. Về điều kiện, chăm sóc nuôi dưỡng đối với con chung của chị H, anh T đều được đảm bảo. Do vậy, để đảm bảo ổn định về chỗ ở, học tập cũng như quyền lợi về mọi mặt của các con chung, cần thiết giao cho anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cháu Phạm Tuấn K, giao cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Minh C là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T, chị H mỗi người nuôi dưỡng một con chung. Anh T, chị H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án.

[6] Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh T không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung, vay nợ chung nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án thì anh T phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ: điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2010 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho anh Phạm Văn T được ly hôn với chị Trần Thị H.

- *Về nuôi dưỡng con chung*: Giao cho anh Phạm Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cháu Phạm Tuấn K, sinh ngày 28/11/2017. Giao cho chị Trần Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cháu Phạm Minh C, sinh ngày 10/11/2016. Thời gian giao nuôi dưỡng con chung kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh T, chị H không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

2. Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ với số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án anh đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh D theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0001979 ngày 08/12/2022. Anh T đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bán án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKS nhân dân thị xã M;*
- *Chi cục thi hành án DS thị xã M;*
- *UBND phường T1, thị xã M (GCNKH số 60, quyển 01/2015);*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Khánh